

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 3 - 2026

V/v Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Hà
2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về Không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Chá Thị D.** Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Bản H, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lý A S.** Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Chá Thị S.** Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2025, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S nhiều lần đi uống rượu về đánh đập chị. Sự việc được trưởng bản đến khuyên can, công an viên đến lập biên bản nhưng anh S không thay đổi, từ năm 2018 đến nay vẫn đánh vợ 02 lần nữa. Do vợ chồng không có hạnh phúc nên chị có nguyện vọng được ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tuyên bố: Anh S và chị D không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị D và anh S có 03 con chung là:

1. Lý Thị T - sinh ngày 05/02/2011
2. Lý Thị A - sinh ngày 01/12/2012
3. Lý Phú T - sinh ngày 20/11/2015

Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và sống chung với gia đình. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con vì không có nghề nghiệp, thu nhập gì, suốt ngày uống rượu nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có một số tài sản là đồ dùng, xe máy, máy móc dùng trong lao động sản xuất nông nghiệp; Tiền công tu bổ, sửa ruộng khoảng 50.000.000 đồng vào Mảnh ruộng diện tích 5000m² ở địa chỉ Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên của mẹ chồng là bà Chá Thị S; Tiền làm nhà là 20.000.000 đồng do chị D bỏ ra từ tiền đi làm công nhân. Chị D yêu cầu được chia 2000m² đất ruộng. Trường hợp không chia ruộng thì yêu cầu anh S phải trả cho chị ½ giá trị tài sản là 45.500.000 đồng.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 23/01/2026 nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản.

- Về nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Văn bản số 868/UBND-VP ngày 24/12/2025 Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau: Qua kiểm tra phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch, hai công dân Chá Thị D và Lý A S không có trong dữ liệu đăng ký kết hôn tại UBND xã...UBND xã không nắm được nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa gia đình, vợ chồng của công dân. Công dân Chá Thị D có đề nghị tổ hòa giải bản N hòa giải một lần về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng...nhưng ông S không tham gia nên tổ hòa giải không tiến hành hòa giải được.

4. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án: Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, 35, 39/BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 244/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa chị Chá Thị D và anh Lý A S không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Thị T - sinh ngày 05/02/2011, Lý Thị A - sinh ngày 01/12/2012, Lý Phú T - sinh ngày 20/11/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với các tài sản mà nguyên đơn đã rút, gồm:

- 01 máy phát cỏ (không rõ nhãn hiệu) mua năm 2021, lúc mua là 5.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 2.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 máy xát gạo (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2019, lúc mua là 9.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 5.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 chiếc máy xẻ gỗ (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2016, lúc mua là 9.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 4.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA RSX, BKS 27B2-037.xx. lúc mua là 27.500.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 8.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe máy (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2020, lúc mua là 13.500.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 2.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- Tiền công tu bổ, sửa ruộng khoảng 50.000.000 đồng vào Mảnh ruộng diện tích 5000m² tại địa chỉ Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên của mẹ chồng là bà Chá Thị S.

- Tiền làm nhà là 20.000.000 đồng do chị D bỏ ra từ tiền đi làm công nhân.

Chị D yêu cầu được chia 2000m² đất ruộng. Trường hợp không chia ruộng thì yêu cầu anh S phải trả cho chị ½ giá trị tài sản là 45.500.000 (bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Chị D và anh S chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân dẫn đến việc khởi kiện: Qua lời khai của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình chung sống chị D, anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Săng hay uống rượu, có hành vi bạo lực đánh chị D.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy D và anh S có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống không hạnh phúc, nên cần thiết phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh S.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Chị D và anh S có 03 con chung là cháu Lý Thị T - sinh ngày 05/02/2011, Lý Thị A - sinh ngày 01/12/2012, Lý Phú T - sinh ngày 20/11/2015. Chị D có nguyện vọng: Sau khi ly hôn chị D sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn phù hợp với ý kiến của các con chung. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến thể hiện có nguyện vọng được nuôi con và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con của mình. Vì vậy, cần giao các con cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Việc nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn.

[3.3] Về tài sản chung:

Ban đầu nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết một số tài sản chung hình thành trong quá trình sống chung với bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết nguyên đơn đã rút yêu cầu về tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.5] Ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn là cá nhân thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chá Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Chá Thị D và anh Lý A S là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Chá Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Lý Thị T - sinh ngày 05/02/2011, Lý Thị A - sinh ngày 01/12/2012 và Lý Phú T - sinh ngày 20/11/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với các tài sản sau:

- 01 máy phát cỏ (không rõ nhãn hiệu) mua năm 2021, lúc mua là 5.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 2.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 máy xát gạo (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2019, lúc mua là 9.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 5.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 chiếc máy xẻ gỗ (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2016, lúc mua là 9.000.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 4.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA RSX, BKS 27B2-037.xx lúc mua là 27.500.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 8.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe máy (không rõ nhãn hiệu) mua từ 2020, lúc mua là 13.500.000 đồng, giá trị hiện nay khoảng 2.000.000 đồng. Hiện hai vợ chồng đang quản lý, sử dụng.

- Tiền công tu bổ, sửa ruộng khoảng 50.000.000 đồng vào Mảnh ruộng diện tích 5000m² tại địa chỉ Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên của mẹ chồng là bà Chá Thị S.

- Tiền làm nhà là 20.000.000 đồng do chị D bỏ ra từ tiền đi làm công nhân.

Chị D yêu cầu được chia 2000m² đất ruộng. Trường hợp không chia ruộng thì yêu cầu anh Sảng phải trả cho chị ½ giá trị tài sản là 45.500.000 (bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Chị D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Chá Thị D.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ